

Số: *1578* /QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày *07* tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 4 dự án: Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân cư đô thị mới Bắc 4D - Lô 3, phường Quyết Tiến**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v Ban hành quy định hạn mức giao đất, hạn mức công nhận đất ở; kích thước, diện tích đất tối thiểu được tách thửa; hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng, đất xây dựng trụ sở cơ quan, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Lai Châu Sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo*



*Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND, Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND; bãi bỏ một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND, số 35/2014/QĐ-UBND; bãi bỏ Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc Ban hành đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng trên đất, cây trồng vật nuôi và các tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Lai Châu V/v Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 07/6/2018 của UBND tỉnh Lai Châu V/v phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho 06 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu và 01 dự án trên địa bàn huyện Tân Uyên;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 643/TTr-TNMT ngày 03/12/2020.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 4 dự án: Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân cư đô thị mới Bắc 4D - Lô 3, phường Quyết Tiến, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả bổ sung là: **341.189.784 đồng.**

*(Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi một triệu một trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi tư đồng).*

#### **Trong đó:**

<b>- Chi trả cho chủ sở hữu:</b>	<b>341.189.784 đồng</b>
+ Bồi thường về đất:	30.175.595 đồng
+ Tài sản, vật kiến trúc:	207.057.437 đồng
+ Cây cối, hoa màu:	27.300.152 đồng
+ Chính sách hỗ trợ:	76.656.600 đồng

*(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)*

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.



- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Chủ tịch UBND phường Quyết Tiến; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Hữu Cam**



**PHƯƠNG ÁN THẨM ĐỊNH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TĐC (Phê duyệt bổ sung lần 4)**

**Dự án: Xây dựng khu dân cư đô thị mới bắc 4 D- Lô 3, phường Quyết Tiến**

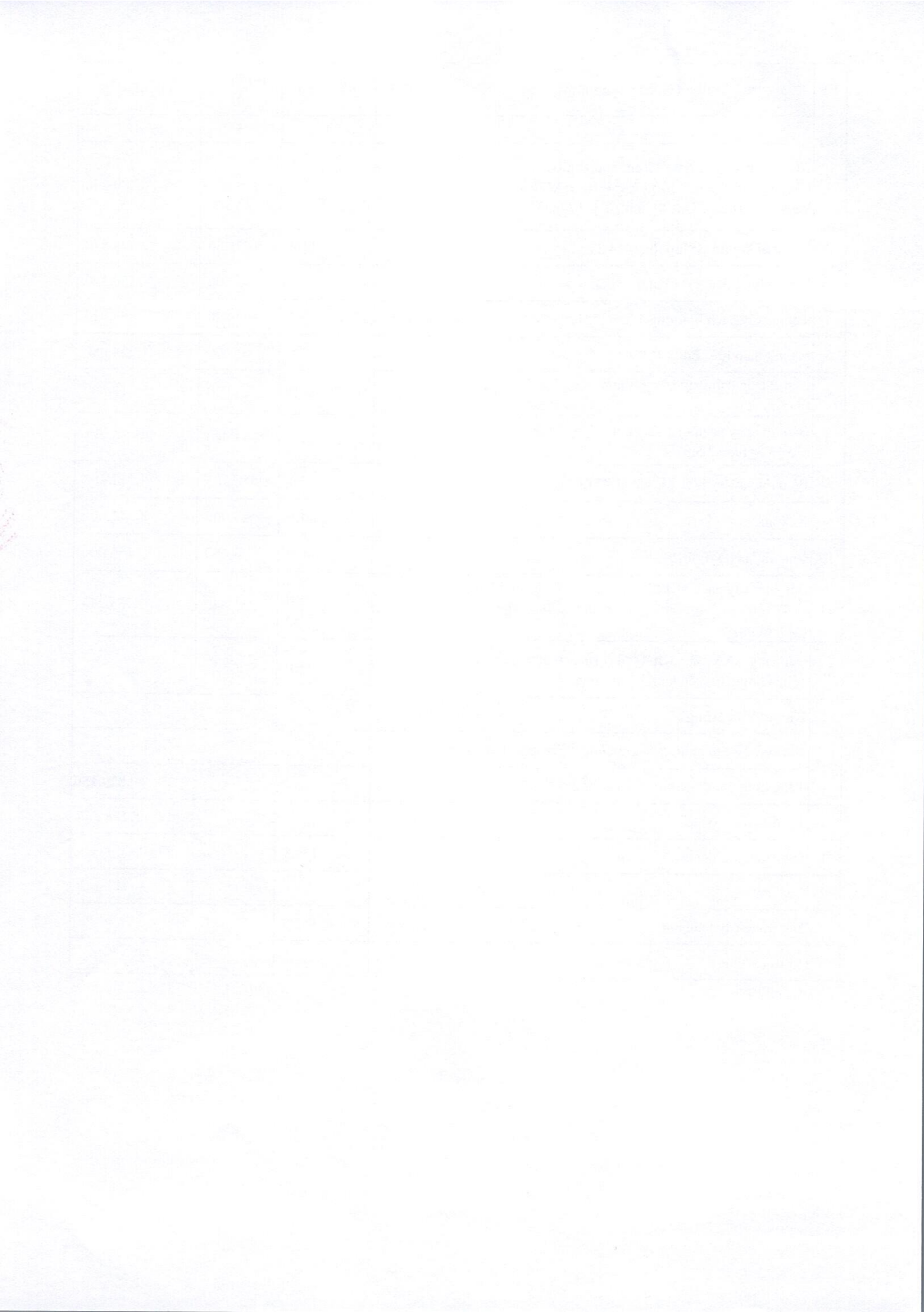
Kèm theo Quyết định số: *1578* /QĐ-UBND ngày *07* tháng 12 năm 2020 của UBND thành phố Lai Châu

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
<b>A</b>	<b>Tổng cộng</b>				<b>341.189.784</b>
<b>1</b>	<b>Chi trả cho chủ sở hữu</b>				<b>341.189.784</b>
a	<i>Về đất</i>				<i>30.175.595</i>
b	<i>Về tài sản vật kiến trúc</i>				<i>207.057.437</i>
c	<i>Về cây cối hoa màu</i>				<i>27.300.152</i>
d	<i>Về chính sách hỗ trợ</i>				<i>76.656.600</i>
<b>B</b>	<b>Chi tiết cho các hộ dân</b>				<b>341.189.784</b>
<b>1</b>	<b>Dương Công Chính</b>				
	Địa chỉ: Tổ 3, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				<b>36.265.112</b>
<b>a</b>	<b><i>Về đất</i></b>				<b><i>2.482.000</i></b>
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	73		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	73	34.000	2.482.000
	Vị trí (VT1)				
	<p>Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng 1 phần diện tích của ông Vũ Đức Thuần 10/3/2007. Đất của gia đình ông Thuần được Nông trường Tam Đường giao khoán năm 1996 (gia đình đã làm mất sổ giao khoán), phần diện tích chồng lấn lên thửa đất số 242 tờ bản đồ số 3 DGT đang quy chủ cho UBND phường Quyết Tiến quản lý hiện trạng do ông Dương Công Chính là chủ sử dụng hiện tại không có tranh chấp với ai, toàn bộ diện tích chồng lấn có cùng nguồn gốc với diện tích trên. Mục đích đất CLN chủ sử dụng đất sử dụng từ năm 1996 đến khoảng năm 2006. Mục đích đất ở sử dụng từ năm 2006 đến nay. Nguyên nhân chồng lấn là do sai số trong đo đạc địa chính.</p>				
<b>b</b>	<p><b><i>Về tài sản vật kiến trúc:</i></b> Do gia đình ông Vũ Đức Thuần xây dựng khoảng năm 2006 thời điểm tạo lập tài sản, nhà ở không bị lập biên bản vi phạm hành chính, xây dựng trước kế hoạch sử dụng đất của dự án, xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất, không được cấp phép xây dựng. Gia đình ông Thuần chuyển nhượng tài sản, vật kiến trúc cùng thời điểm chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/3/2007. Hiện gia đình ông Chính sử dụng ổn định không tranh chấp (tài sản xây dựng trên đất nông nghiệp hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)</p>				<b>33.783.112</b>





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Nhà xây gạch bi tường 12 cm không hiện, mái lợp tôn, trần nhựa nền láng VXM (7,2*4) theo kết cấu như mục 4 khoản 2.6 Điều 2 Quyết định 30/2017 (cao 2,8 m)	m <sup>2</sup>	28,8	725.670	20.899.296
2	Bán mái khung sắt lợp tôn (4*4,3)	m <sup>2</sup>	17,2	167.200	2.875.840
3	Lưới b40 (4,3*1,4)*2 Hỗ trợ di chuyển	m <sup>2</sup>	12,0	12.500	150.500
4	Tường xây gạch bi tường 12cm (2*1,9)+(8*1,2)	m <sup>2</sup>	13,4	63.800	854.920
5	Khung thép lưới B40 (2*1,9)	m <sup>2</sup>	3,8	61.600	234.080
6	Nền BT đá dăm dày 10 cm (nằm trong bán mái khung sắt) (4*4,3)	m <sup>2</sup>	17,2	41.800	718.960
7	Bán mái xây gạch bi T12cm, nền láng VXM, mái lợp tôn (3,9*3,8) (cao 2,5m)	m <sup>2</sup>	14,8	253.440	3.755.981
8	Bê phốt xây gạch bi T12cm (1,3*1,6*1,5)	m <sup>3</sup>	3,1	358.105	1.117.288
9	Xí xôm	cái	1,0	45.000	45.000
10	Ống nhựa HDPE Φ 20	m	40,0	4.150	166.000
11	Bán mái xây gạch bi T12cm nền láng VXM mái lợp tôn (3,9*3,0) cao 2,4m (Phần tải sản ảnh hưởng, không sử dụng được)	m <sup>2</sup>	11,7	253.440	2.965.248
12	Nền láng VXM dày 3cm (4*4) (Tài sản nằm trên đất công cộng không đủ điều kiện bồi thường)	m <sup>2</sup>	16,0		
<b>2</b>	<b>Khổng Văn Hùng</b>				
	Địa chỉ: Tổ 18, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				<b>60.820.150</b>
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>5.178.200</b>
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	152,3		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	152,3	34.000	5.178.200
	Vị trí (VT1)				



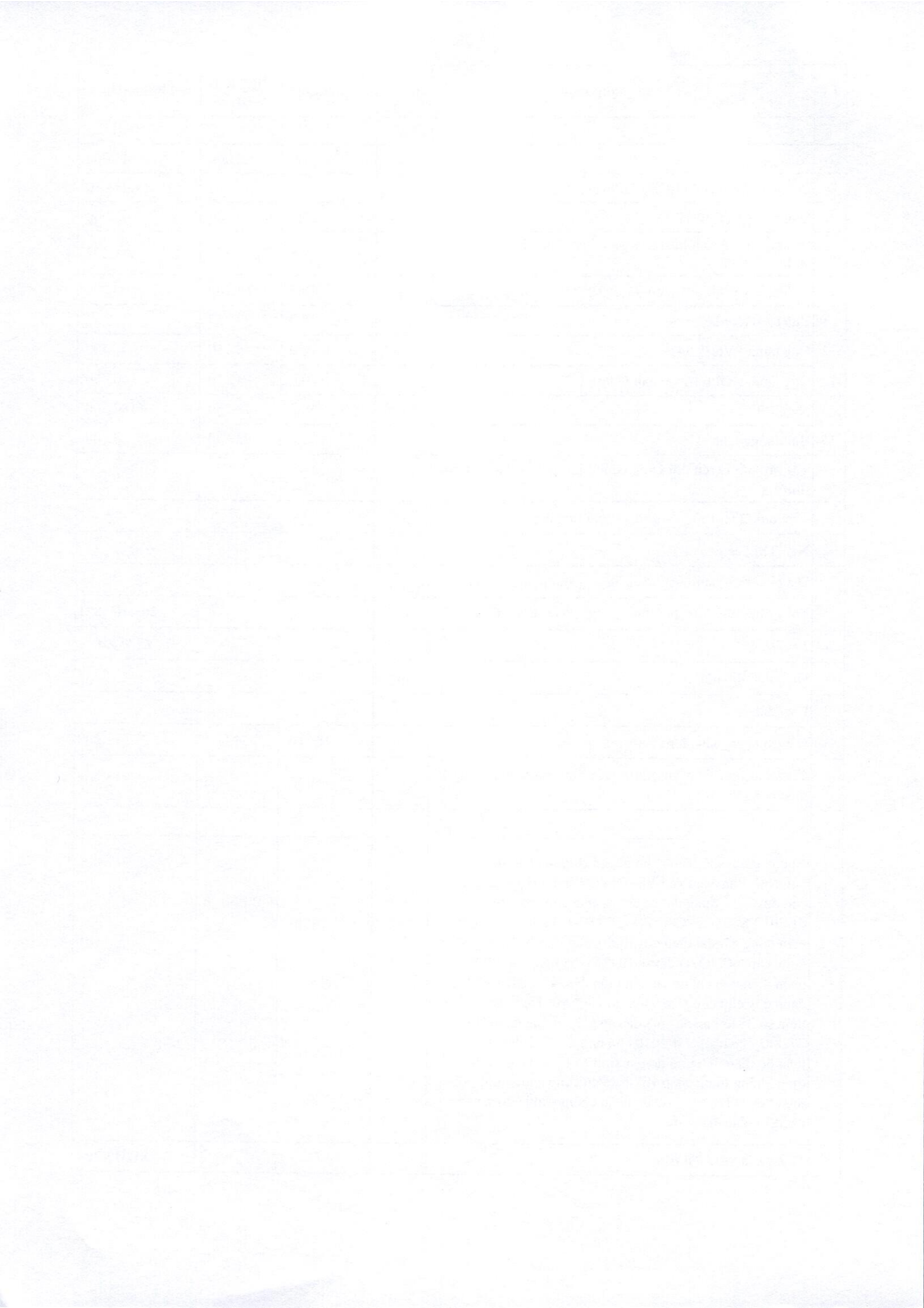
TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
	Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng một phần diện tích của ông Vũ Đức Thuận ngày 20/1/2007. Đất của gia đình ông Thuận được Nông trường Tam Đường giao khoán năm 1996 (đã mất sổ giao khoán), phần diện tích chồng lấn lên thửa đất số 242 tờ bản đồ số 3 DGT đang quy chủ cho UBND phường Quyết Tiến quản lý và thửa 71, TĐĐ số 27 quy chủ cho bà Nguyễn Thị Hằng, hiện trạng do gia đình ông Không Văn Hùng sử dụng có cùng nguồn gốc nêu trên, hiện tại không có tranh chấp với ai. Mục đích đất trồng cây lâu năm chủ sử dụng cũ sử dụng từ năm 1996 đến khoảng năm 2006. Từ năm 2006 đến nay sử dụng vào mục đích đất ở. Nguyên nhân chồng lấn là sai số trong đo đạc địa chính				
<b>b</b>	<i>Về tài sản vật kiến trúc: do gia đình ông Vũ Đức Thuận xây dựng khoảng năm 2006 thời điểm tạo lập tài sản, nhà ở không bị lập biên bản vi phạm hành chính, xây dựng trước kế hoạch sử dụng đất của dự án, xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất, không được cấp phép xây dựng. Gia đình ông Thuận chuyển nhượng tài sản, vật kiến trúc cùng thời điểm chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/1/2007. Hiện gia đình ông Hùng sử dụng ổn định không tranh chấp (Tài sản xây dựng trên đất nông nghiệp hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu )</i>				<b>55.641.950</b>
1	Nhà xây gạch bi tường 12cm, nền láng VXM, mái lợp PRXM (10*8,2) có kết cấu theo điểm b mục 2.6 khoản 2 Quyết định 30/2017/QĐ-UBND (trừ đơn giá trần nhựa 120.340 đồng) cao 2,7m	m <sup>2</sup>	82,0	636.372	52.182.504
2	Chuồng gà xây gạch bi tường 12 cm nền láng VXM lợp tôn (1,3*1,9)	m <sup>2</sup>	2,5	170.500	421.135
3	Tường xây gạch bi tường 12 cm (5,7*1,1)	m <sup>2</sup>	6,3	63.800	400.026
4	Bóc tách từ nhà vệ sinh				
4.1	Tường xây gạch bi tường 12 cm (5,2*2)	m <sup>2</sup>	10,4	63.800	663.520
4.2	Cửa tôn (0,6*1,7) tính bằng tônbung	m <sup>2</sup>	1,0	57.750	58.905
4.3	Xí xôm	Cái	1,0	45.000	45.000
4.4	Bê phốt xây gạch bi tường 12cm (1,3*1,3*1,5)	m <sup>2</sup>	2,5	358.105	907.796
4.5	Ngói PRXM	Viên	4,0	18.250	73.000
5	Ống nhựa HDPE (hàn nhiệt) Φ 20	m	40,0	4.150	166.000
6	Nền BT đá dăm dày 10 cm (2,2*1,4)	m <sup>2</sup>	3,1	41.800	128.744
7	Bóc tách từ hồ chứa nước (Tường xây gạch bi t12 cm (4*0,6)	m <sup>2</sup>	2,4	63.800	153.120
8	Bó bờ hoàn chỉnh	m	3,0	24.200	72.600
9	Khung thép lưới B40 (2*2)+(2*1)	m <sup>2</sup>	6,0	61.600	369.600



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
<b>3</b>	<b>Trần Thị Phiến</b>				
Địa chỉ: Xã Bàn Giang, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu					
Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)					<b>38.634.650</b>
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>2.516.000</b>
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	74,0		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	74,0	34.000	2.516.000
	Vị trí (VT1)				
	<p>Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng một phần diện tích đất của ông Vũ Đức Thuân ngày 5/9/2007. Đất của ông Thuân được NTTĐ giao khoán năm 1996 (đã mất sổ giao khoán). Phần diện tích chồng lấn lên thửa đất số 66, TĐĐ số 27 đang quy chủ cho ông Vũ Đức Thuân và thửa 242, TĐĐ số 3 đất giao thông quy chủ cho UBND phường Quyết Tiến quản lý và phần diện tích bản đồ địa chính quy chủ thửa 90, TĐĐ số 2 quy chủ cho ông Vương Hà Tuyên. Tất cả diện tích trên đều do gia đình bà Phiến sử dụng ổn định không tranh chấp với ai, mục đích đất trồng cây lâu năm được chủ sử dụng cũ sử dụng ổn định không tranh chấp từ năm 1996 đến khoảng năm 2006. Từ năm 2006 đến nay sử dụng vào mục đích đất ở ổn định không tranh chấp. Nguyên nhân chồng lấn là do sai số đo đạc địa chính.</p>				
<b>b</b>	<p><b>Về tài sản vật kiến trúc:</b> do gia đình ông Vũ Đức Thuân xây dựng khoảng năm 2006 thời điểm tạo lập tài sản, nhà ở không bị lập biên bản vi phạm hành chính, xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất, không được cấp phép xây dựng. Gia đình ông Thuân chuyển nhượng tài sản, vật kiến trúc cùng thời điểm chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/9/2007. Hiện gia đình bà Phiến sử dụng ổn định không tranh chấp (tài sản xây dựng trên đất nông nghiệp hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)</p>				
1	Nhà xây gạch bi tường 12cm, nền láng VXM, mái lợp tôn, trần nhựa (7,2*4,1) theo khoản 2.6 Điều 2 Quyết định 30/2017 (cao 2,7m)	m <sup>2</sup>	29,5	725.670	21.421.778
2	Bán mái khung sắt lợp tôn (3,6*4,1)	m <sup>2</sup>	14,8	167.200	2.467.872
3	Nền BT đá dăm dày 10 cm (nằm trong bán mái khung sắt) (3,6*4,1)	m <sup>2</sup>	14,8	41.800	616.968
4	Bán mái xây gạch bi t12cm, mái lợp PRXM, nền láng VXM cao 2,4 m (5,2*4,1)	m <sup>2</sup>	21,3	221.760	4.727.923
<b>Phần tài sản ảnh hưởng không sử dụng được</b>					
5	Nhà tắm xây gạch đỏ tường 22cm lát gạch liên doanh mái BT (2,4*1,6)	m <sup>2</sup>	3,8	933.900	3.586.176



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
6	Xí xôm	Cái	1,0	45.000	45.000
7	Bê phốt xây gạch bi tường 12cm (1,3*1,1*2)	m <sup>2</sup>	2,9	358.105	1.024.180
8	Ống nhựa PVC Φ 75	m	20,0	15.100	302.000
9	Bê chứa nước sinh hoạt xây gạch bi t12cm không nắp (1,4*1,6*1,1)	m <sup>3</sup>	2,5	268.345	661.202
10	Tường xây gạch bi t12 cm (1,5*3,5)*2	m <sup>2</sup>	10,5	63.800	669.900
11	Cửa tôn (1,1*2)	m <sup>2</sup>	2,2	57.750	127.050
12	Ống nhựa PVC Φ 34	m	10,0	4.750	47.500
13	Ống nhựa HDPE (nhựa hàn nhiệt) Φ 20	m	40,0	4.150	166.000
14	Ngói PRXM	Viên	10,0	18.250	182.500
15	Bình nóng lạnh	binh	1,0	72.600	72.600
	<b>Tài sản nằm trên đất công cộng không đủ điều kiện bồi thường</b>				
16	Tấm đan BTCT (7,5*2,1*0,1) nằm trên đất công cộng	m <sup>2</sup>	1,6		
<b>4</b>	<b>Ngô Thị Liên</b>				
	Địa chỉ: Tô 8, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				<b>205.469.871</b>
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>19.999.395</b>
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	603,3		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	603,3	34.000	20.512.200
	Truy thu nghĩa vụ tài chính (gia đình chưa làm đăng ký biến động theo quy định)		603,3	-850	-512.805
	Vị trí: VT1				
	Nguồn gốc: Nhận tặng cho quyền sử dụng đất từ bố, mẹ là ông Ngô Văn Mạn và bà Lê Thị Chiên tại Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số chứng thực: 45, quyền số 01/2017-SCT/HĐ-GD ngày 21/11/2017 (Chưa đăng ký biến động đất đai theo quy định). Đất bà Chiên, ông Mạn được cấp GCNQSD đất số BQ276104 ngày 24/3/2017; phần diện tích chồng lấn lên thửa đất 242 TBD số 3 DGT đang quy chủ cho UBND phường Quyết Tiến quản lý và thửa số 25 tờ bản đồ số 3 đã cấp giấy chứng nhận BA 772883 cấp ngày 7/4/2010 cho bà Lê Thị Chiên. Hiện tại toàn bộ diện tích trên do gia đình bà Liên đang sử dụng ổn định không tranh chấp với ai và có cùng nguồn gốc với diện tích nêu trên. Nguyên nhân chồng lấn là do sai số trong đo đạc địa chính				
<b>b</b>	<b>Về tài sản vật kiến trúc</b>				<b>81.513.724</b>





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
	<i>Tài sản, VKT (Xây dựng trên đất nông nghiệp hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường điểm 3 mục c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu) (năm 2006 gia đình bà Lã Thị Hương dựng nhà lán tạm, đến đầu năm 2015 gia đình bà Chiên nâng cấp, sửa chữa lại thành ngôi nhà như hiện nay, thời điểm xây dựng không bị lập biên bản vi phạm hành chính, xây dựng trước kế hoạch sử dụng đất của dự án, xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất, không được cấp phép xây dựng, thời điểm tặng cho tài sản cùng thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất, hiện gia đình bà Liên sử dụng ổn định không tranh chấp)</i>				
1	Nhà xây gạch bi T12cm lợp tôn, nền láng VXM (14,4*6,0) không hiên, không trần cao 2,8 m theo kết cấu tại mục 4 khoản 2.6 Điều 2 Quyết định 30/2017	m <sup>2</sup>	86,4	671.517	58.019.069
2	Xí xôm	cái	1,0	45.000	45.000
3	Bê phốt xây gạch chỉ tường 11cm(1,0*1,0*2,0)	m <sup>3</sup>	2	421.300	842.600
4	Nền BT đá dăm dày 10cm (7,3*5,0)	m <sup>3</sup>	36,5	41.800	1.525.700
	<i>Tài sản phục vụ sản xuất nông nghiệp: Xây dựng đúng mục đích sử dụng đất và xây dựng trước thời điểm kế hoạch sử dụng đất hàng năm, không được cấp phép xây dựng, không bị lập Biên bản xử phạt vi phạm hành chính, hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo Điểm c Khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)</i>				
5	Cọc BTCT (0,15*0,15*1,6)*123	m <sup>3</sup>	4,428	1.393.700	6.171.304
6	Ngói bro xi măng	viên	25	36.500	912.500
7	Hàng rào lưới B40 (1,8*86)	m <sup>2</sup>	154,8	25.000	3.870.000
8	Công hoa sắt (4,0*1,9)	m <sup>2</sup>	7,6	825.000	6.270.000
9	Hàng rào sắt Φ 34 (10,3*1,2)	m <sup>2</sup>	12,36	98.200	1.213.752
10	Bóc tách chuồng chó				
	Khung thép lưới B40 (1,6*10,0)	m <sup>2</sup>	16	123.200	1.971.200
	Lưới cước (1,8*8,0)	m <sup>2</sup>	14,4	5.000	72.000
	Tôn ốp (4,0*1,3)	m <sup>2</sup>	5,2	115.500	600.600
<b>c</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				<b>27.300.152</b>
1	Cây nhãn bán kính tán trên 4m	cây	4,0	900.000	3.600.000
2	Cây lấy gỗ đường kính 30 cm cao 7m; 3 cây	m <sup>3</sup>	1,5	480.000	712.152
3	Cây nhãn bán kính tán từ 2 đến 4m	cây	2,0	624.000	1.248.000
4	Cây ăn quả trồng cành năm thứ 3	cây	8,0	204.000	1.632.000
5	Cây ăn quả trồng cành năm thứ 2	cây	16,0	102.000	1.632.000
6	Cây ăn quả trồng cành từ 2 đến dưới 3 năm	cây	18,0	204.000	3.672.000



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
7	Su su leo kín giàn	m <sup>2</sup>	20,0	10.200	204.000
8	Rau màu gói vụ	m <sup>2</sup>	10,0	9.600	96.000
9	Cây mít bán kính phát tán trên 4m	cây	1,0	660.000	660.000
10	Cây chuối cao dưới 1,2m	cây	5,0	18.000	90.000
11	Cây chuối cao trên 1,2m	cây	6,0	24.000	144.000
12	Cây lê bán kính từ 2 đến 4m	Cây	2,0	480.000	960.000
13	Sản lượng chè 460m <sup>2</sup> *25 tấn/ha/năm * 2 năm	kg	2.300,0	5.500	12.650.000
<b>d</b>	<b>Về chính sách hỗ trợ</b>				<b>76.656.600</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo điểm a mục 1 điều 16 của Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m <sup>2</sup>	603,3	102.000	61.536.600
2	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất (Gia đình trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp tỷ lệ mất đất từ 30 đến dưới 70% diện tích đất nông nghiệp phải di chuyển chỗ ở (3 khẩu *30kg*12 tháng) theo điều 15 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	kg/ người	1.080,0	14.000	15.120.000

